

## QUY ĐỊNH

**Tổ chức và quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

(Kèm theo Quyết định số **3329**/QĐ-KHTN ngày **21** tháng **10** năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về tổ chức và quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (CTLKNN).

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM (sau đây gọi tắt là Trường ĐH KHTN) có liên quan đến việc xây dựng, tổ chức và quản lý chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ với các cơ sở đào tạo nước ngoài bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

- a) Phòng Quan hệ Đối ngoại;
- b) Phòng Đào tạo;
- c) Phòng Đào tạo Sau đại học;
- d) Các Khoa;
- đ) Các đơn vị khác có liên quan.

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (CSNN) liên kết đào tạo với Trường ĐH KHTN phải là cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng, có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp văn bằng trong lĩnh vực liên kết hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp cấp. Các bên liên kết phải bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng của chương trình đào tạo.

2. Các bên liên kết bao gồm: Trường ĐH KHTN và CSNN đã ký kết thỏa thuận hợp tác.



3. Liên kết đào tạo là việc hợp tác giữa Trường ĐH KHTN và CSNN nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng mà không thành lập pháp nhân. Việc liên kết đào tạo với nước ngoài phải bảo đảm thực hiện quy định của Luật Giáo dục đại học và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. CTLKNN là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài.

5. Liên kết đào tạo trực tuyến (online) là việc hợp tác giữa CSNN và Trường ĐH KHTN nhằm thực hiện chương trình đào tạo thông qua môi trường mạng và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện để cấp văn bằng giáo dục đại học cho người học.

6. Ngành gần là ngành do Trường ĐH KHTN tự xác định hoặc đề xuất trong đề án CTLKNN khi đề nghị được cấp phép.

7. Đơn vị phụ trách CTLKNN là đơn vị được Trường giao nhiệm vụ chủ trì trong việc tổ chức và quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

### **Điều 3. Giải thích Quy định trách nhiệm**

#### **1. Trách nhiệm của Trường ĐH KHTN**

a) Đảm bảo điều kiện, thủ tục về tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định của Luật giáo dục đại học hiện hành.

b) Tổ chức thẩm định và quyết định phê duyệt hoạt động, gia hạn hồ sơ CTLKNN với các hình thức liên kết trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến của Trường ĐH KHTN.

c) Chỉ đạo chung về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo CTLKNN tại Trường ĐH KHTN.

d) Kiểm tra hoạt động triển khai CTLKNN tại Trường ĐH KHTN theo quy định.

đ) Lập kế hoạch và báo cáo ĐHQG-HCM công tác tuyển sinh và đào tạo hằng năm.

e) Xây dựng và ban hành các quy định cụ thể đối với chương trình liên kết đào tạo theo quy định của Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan về: Tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo; số lượng người học trong một lớp để đảm bảo sự gắn kết và hiệu quả học tập của người học; thi; kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần, bảo vệ đồ án, khóa luận, luận văn, luận án; bằng tốt nghiệp của Trường ĐH KHTN (đối với trường hợp cấp song bằng); lưu trữ và bảo mật thông tin.

g) Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người học, cán bộ, giảng viên, và những người lao động khác trong trường hợp chấm dứt hoặc buộc phải chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo trước thời hạn, cụ thể như sau: Đảm bảo quyền lợi của người học; Bồi hoàn kinh phí cho người học trong các trường hợp Trường ĐH KHTN và CSNN vi phạm quy định dẫn đến người học không được cấp bằng hoặc cung cấp chương trình đào tạo và cấp văn bằng không



được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Bộ GD&ĐT) và cơ quan có thẩm quyền ở nước nơi CSNN đặt trụ sở chính công nhận; Thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể; Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

h) Chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bằng do CSNN cấp cho người học.

i) Phải công bố công khai thông tin liên quan về CTLKNN, tính pháp lý của văn bằng nước ngoài được cấp tại nước cấp bằng và tại Việt Nam trên trang thông tin điện tử của các bên liên kết và phương tiện thông tin đại chúng; hỗ trợ người học trong quá trình công nhận văn bằng trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

k) Triển khai các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình liên kết đào tạo và thực hiện kiểm định và kiểm định lại theo chu kỳ các CTLKNN thực hiện tại Việt Nam ngay sau khi có học viên tốt nghiệp theo quy định.

l) Lưu trữ vĩnh viễn hồ sơ liên kết đào tạo, thông tin người học tại Trường ĐH KHTN và CSNN.

m) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Trường ĐH KHTN, CSNN không thực hiện việc báo cáo hoặc báo cáo không chính xác sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

n) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Trách nhiệm của đơn vị phụ trách CTLKNN

a) Xây dựng hồ sơ, đề án CTLKNN theo đúng quy định.

b) Thực hiện tuyển sinh và quản lý đào tạo CTLKNN theo đúng quy định.

c) Cung cấp đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến chương trình liên kết đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường ĐH KHTN và chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này.

d) Tổ chức triển khai thực hiện chương trình liên kết đào tạo theo đúng nội dung đã được phê duyệt trên quyết định phê duyệt hoạt động, quyết định gia hạn, quyết định điều chỉnh và quy định pháp luật có liên quan.

đ) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp và kỹ năng cần thiết về đào tạo trực tuyến, thiết kế học liệu điện tử cho đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập và người hỗ trợ kỹ thuật tham gia triển khai CTLKNN trực tuyến, CTLKNN trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

e) Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng của chương trình đào tạo.

g) Duy trì các bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trong hệ thống quản lý học tập và có thể trích xuất phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra khi được yêu cầu trong thời gian tối thiểu 5 năm kể từ khi tốt nghiệp.



h) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Đối tượng liên kết đào tạo**

1. Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

2. CSNN là cơ sở đào tạo được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

#### **Điều 5. Hình thức liên kết**

Các hình thức liên kết đào tạo:

1. Liên kết đào tạo trực tiếp được triển khai tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo thực hiện thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến.

2. Liên kết đào tạo trực tuyến (online) bảo đảm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến và chỉ áp dụng với trình độ đại học.

3. Liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến bảo đảm từ trên 30% đến 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến và chỉ áp dụng với trình độ đại học và trình độ thạc sĩ.

#### **Điều 6. Phạm vi liên kết đào tạo**

1. Đơn vị thực hiện liên kết chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành và trình độ đào tạo đã được ĐHQG-HCM và Trường ĐH KHTN cho phép thực hiện.

2. CSNN chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành và trình độ đào tạo được phép thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

#### **Điều 7. Quy mô đào tạo**

1. Quy mô đào tạo (chỉ tiêu tuyển sinh) của CTLKNN thuộc tổng chỉ tiêu đào tạo hằng năm của Trường ĐH KHTN và được xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đơn vị phụ trách CTLKNN đề xuất quy mô đào tạo trong hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo, trình Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN phê duyệt.

#### **Điều 8. Đối tượng tuyển sinh**

1. Trường hợp cấp văn bằng của Trường ĐH KHTN thì đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng các điều kiện tuyển sinh theo quy định của ĐHQG-HCM, của Trường ĐH KHTN và pháp luật Việt Nam.

2. Trường hợp cấp văn bằng của CSNN thì phải đáp ứng điều kiện tuyển sinh các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của CSNN tương ứng với điều kiện tiếp nhận vào học quy định ở



nước sở tại nơi CSNN được thành lập. Các điều kiện này phải thể hiện trong Đề án CTLKNN được Trường ĐH KHTN phê duyệt.

3. Trường hợp đồng thời cấp văn bằng của Trường ĐH KHTN và văn bằng của CSNN thì đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

### **Điều 9. Trình độ ngoại ngữ**

#### **1. Điều kiện ngoại ngữ đầu vào**

a) Trường hợp cấp văn bằng của Trường ĐH KHTN ít nhất phải có trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Trường hợp cấp văn bằng của CSNN và trường hợp đồng thời cấp văn bằng của Trường ĐH KHTN và văn bằng của CSNN, đối tượng tuyển sinh ít nhất phải có trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

2. Trường ĐH KHTN có thể tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giúp học viên đạt trình độ quy định tại khoản 1 Điều này trước khi học viên được nhập học chính khóa.

### **Điều 10. Ngôn ngữ giảng dạy**

CTLKNN cấp văn bằng của CSNN phải giảng dạy bằng ngoại ngữ, không giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch. CTLKNN cấp văn bằng của Trường ĐH KHTN có thể giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch.

### **Điều 11. Đội ngũ giảng viên**

1. Đối với CTLKNN trình độ đại học, giảng viên ít nhất phải có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với nhóm ngành giảng dạy.

2. Đối với CTLKNN trình độ thạc sĩ, giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề và hướng dẫn luận văn thạc sĩ phải có bằng tiến sĩ phù hợp với nhóm ngành giảng dạy; giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập ít nhất phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên môn tham gia hướng dẫn thực hành, thực tập.

3. Đối với CTLKNN trình độ tiến sĩ, giảng viên phải có bằng tiến sĩ thuộc nhóm ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải bảo đảm quy định tối thiểu như quy định đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh của các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam.

4. Giảng viên giảng dạy các CTLKNN phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học trong cùng lĩnh vực giảng dạy trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Giảng viên giảng dạy bằng ngoại ngữ trong CTLKNN phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình, nhưng không thấp hơn trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực



ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

6. Giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp.

7. Đối với học phần giảng dạy trực tuyến, ngoài giảng viên giữ vai trò giảng dạy chính còn có giảng viên giữ vai trò trợ giảng hỗ trợ chuyên môn và người hỗ trợ kỹ thuật. Đơn vị thực hiện và CSNN phải thống nhất xây dựng quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của mỗi vị trí nêu trên trong đề án.

8. Giảng viên và người hỗ trợ thực hiện các học phần giảng dạy trực tuyến phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số Thông tư số 30/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục đại học và quy định của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trong đề án.

9. Đảm bảo đội ngũ giảng viên cơ hữu trong hệ thống ĐHQG-HCM phụ trách giảng dạy tối thiểu 30% CTĐT.

10. Giảng viên đang giảng dạy chương trình đào tạo tương ứng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức giảng dạy không ít hơn 25% tổng khối lượng của chương trình liên kết đào tạo.

## **Điều 12. Chương trình đào tạo**

1. CTLKNN được thực hiện theo chương trình của CSNN hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng; chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài; cấp văn bằng của nước ngoài, cấp văn bằng của Việt Nam và nước ngoài.

2. Chương trình đào tạo của CSNN thực hiện liên kết tại Việt Nam là chương trình đã được kiểm định chất lượng giáo dục ở nước sở tại hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận về chất lượng giáo dục; hoặc CSNN nằm trong danh sách các trường đại học đã được công nhận và kiểm định tại nước sở tại và được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp phép tự kiểm định chương trình đào tạo; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và phải bảo đảm điều kiện liên thông giữa các trình độ đào tạo.

3. Chương trình đào tạo do hai bên cùng xây dựng được thực hiện một trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp cấp văn bằng của CSNN, chương trình đào tạo phải đảm bảo thực hiện theo quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của nước ngoài và phải giữ những nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo của CSNN.



b) Trường hợp cấp văn bằng của cả CSNN và Trường ĐH KHTN, chương trình đào tạo phải đảm bảo thực hiện theo quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình của nước ngoài và của Việt Nam và phải giữ những nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo của CSNN.

4. Chuẩn đầu ra của CTLKNN phải đáp ứng được yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam hoặc không được thấp hơn chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tương ứng tại Trường ĐH KHTN đang triển khai.

5. Đối với CTLKNN trình độ đại học: chương trình đào tạo tại trụ sở chính của CSNN và chương trình đào tạo của Trường ĐH KHTN đang được triển khai theo hình thức trực tuyến ở cùng ngành hoặc ngành gần dự định liên kết và đều có người tốt nghiệp.

6. Đối với CTLKNN trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ: chương trình đào tạo tại trụ sở chính của CSNN và chương trình đào tạo của Trường ĐH KHTN đang được triển khai theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến với thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tuyến đạt từ 20% tổng thời lượng giảng dạy của chương trình trở lên ở cùng ngành hoặc ngành gần, cùng trình độ dự định liên kết đào tạo và đều có người tốt nghiệp.

7. CTLKNN đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ có thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tuyến tối đa 30% tổng thời lượng giảng dạy của CTLKNN.

### **Điều 13. Cơ sở vật chất, địa điểm liên kết đào tạo**

1. Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng trong liên kết đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo chung của Trường ĐH KHTN và bao gồm: phòng học, phòng làm việc của giảng viên, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác. Diện tích trung bình dùng trong giảng dạy, học tập đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp ít nhất là 05 m<sup>2</sup>/học viên.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị, công thông tin điện tử, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet, hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nội dung học tập, học liệu điện tử của các CTLKNN theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 30/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng; có các phương tiện nghe nhìn bao gồm: máy tính, màn hình, màn chiếu, máy chiếu có độ lớn phù hợp với phòng học; đường truyền kết nối ổn định, thông suốt; học liệu trực tuyến có nội dung phù hợp với ngành học và có thể truy cập liên tục với tốc độ cao; phương tiện thu âm, ghi hình lưu trữ quá trình tổ chức đào tạo phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra; Có hệ thống và cơ chế kiểm tra, xác thực, giám sát và đánh giá được sự tham gia của người học; hệ thống quản lý đào tạo chặt chẽ, đáp ứng được khả năng xử lý thông tin nhanh, có độ chính xác cao.

3. Đơn vị phụ trách CTLKNN phải cung cấp đầy đủ giáo trình, học liệu, thư viện điện tử, phần mềm học tập, hướng dẫn sử dụng các bước truy cập hệ thống quản lý học tập trực tuyến, cung cấp tài khoản người dùng và mật khẩu, các hướng dẫn ban đầu về khóa học cũng



n như việc kiểm tra đánh giá toàn khóa học, đồng thời phải có quy định về lưu trữ và bảo mật thông tin cho CTLKNN.

#### 4. Địa điểm tổ chức CTLKNN:

a) Đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến: được thực hiện tại trụ sở chính của Trường ĐH KHTN xác định trong hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo.

b) Đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp không được tổ chức đào tạo ngoài trụ sở chính của Trường ĐH KHTN.

### **Điều 14. Tài chính**

#### 1. Cơ chế quản lý tài chính

a) Phòng Kế hoạch – Tài chính phối hợp Đơn vị phụ trách CTLKNN xây dựng định mức thu học phí của đề án theo đúng với thỏa thuận hợp tác đã được ký kết với CSNN và đảm bảo nguyên tắc bù đắp chi phí hoạt động liên kết đào tạo, có tích lũy để tái đầu tư, phát triển làm cơ sở tổ chức thực hiện và đưa vào nội dung Đề án. Mức thu học phí từng chương trình liên kết phải được công khai với người học trước khi tuyển sinh.

b) Phòng Kế hoạch – Tài chính phối hợp Đơn vị phụ trách CTLKNN xây dựng định mức chi (trong đó tối thiểu phải có các nội dung về lương, thù lao cho giảng viên và người lao động; đầu tư cơ sở vật chất thiết bị dạy học; học liệu, tài liệu học tập; chi cho kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, chi học bổng học viên, chi cho công tác nghiên cứu khoa học của học viên và giảng viên của trường, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và các khoản đóng góp, trích nộp theo quy định trên nguyên tắc đúng tỷ lệ % theo quy định của Pháp luật) trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, phù hợp với nội dung của hồ sơ CTLKNN đã được phê duyệt, đảm bảo yêu cầu thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo mức lương tối thiểu đối với người lao động tham gia hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

c) Các quy định về định mức thu, chi tài chính phải được phản ánh trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH KHTN. Các nội dung thu, chi phải có hóa đơn, chứng từ, tài liệu kế toán phản ánh và hạch toán đầy đủ vào hệ thống sổ kế toán của Trường ĐH KHTN theo quy định của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Theo dõi từng chương trình liên kết đào tạo để có cơ sở báo cáo với các cơ quan liên quan khi có yêu cầu.

#### 2. Nguồn thu của CTLKNN

a) Nguồn thu từ học phí, lệ phí.

b) Viện trợ không hoàn lại, các nguồn hỗ trợ bằng hiện vật, hiện kim, nguồn đóng góp tự nguyện của cá nhân trong và ngoài nước nhằm phục vụ cho CTLKNN.

c) Tất cả các nguồn thu liên kết đào tạo (liên quan đến hoạt động liên kết thực hiện tại Trường ĐH KHTN) phải được phản ánh và hạch toán đầy đủ vào hệ thống sổ kế toán của Trường ĐH KHTN; nguồn thu chuyển vào tài khoản của Trường ĐH KHTN mở tại tổ chức



tín dụng tại Việt Nam; Trường ĐH KHTN thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách với Nhà nước.

## **Chương II**

### **XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT CẤP PHÉP VÀ GIA HẠN HỒ SƠ CTLKNN**

#### **Điều 15. Hồ sơ đề nghị tổ chức CTLKNN**

1. Đơn đề nghị tổ chức chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt) do các bên liên kết cùng ký (theo Mẫu số 01 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

2. Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác và các phụ lục đính kèm (nếu có) giữa các bên liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt), trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên liên kết đối với các nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giảng viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá, văn bằng, thông tin về tài chính và các nội dung khác.

3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác.

4. Giấy tờ chứng minh Trường ĐH KHTN và CSNN được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

5. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

6. Đề án thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài do Phòng Đào tạo (hệ cử nhân), Phòng Đào tạo Sau đại học (hệ thạc sĩ, tiến sĩ) phối hợp với Đơn vị phụ trách CTLKNN xây dựng (theo Mẫu số 02 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này), bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết, mục tiêu của liên kết; giới thiệu các bên liên kết; nội dung liên kết; ngành và trình độ đào tạo; hình thức đào tạo; cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình đào tạo liên kết nước ngoài và nội dung giảng dạy; danh sách giảng viên dự kiến kèm theo lý lịch khoa học (hồ sơ cần thể hiện rõ chuyên môn được đào tạo, trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ hoặc minh chứng cơ sở giáo dục đã tốt nghiệp phù hợp với ngoại ngữ, nhóm ngành liên kết và môn học mà giảng viên phụ trách); đối tượng và phương thức tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo; hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá; văn bằng sẽ được cấp, tính tương đương của văn bằng của nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; biện pháp bảo đảm chất lượng giáo dục, quyền lợi của người học và người lao động qua phương án xử lý rủi ro cụ thể khi chương trình bị gián đoạn; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện Trường ĐH KHTN và CSNN tham gia quản lý chương trình; minh bạch về tài chính thông qua dự toán chi tiết về học phí, học bổng và các nghĩa vụ thuế theo quy định; mức học phí, hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài



(nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học.

#### **Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt**

Hiệu trưởng có thẩm quyền quyết định phê duyệt, mở mới, gia hạn, điều chỉnh và chấm dứt CTLKNN đối với hình thức liên kết trực tiếp, liên kết trực tuyến và liên kết trực tiếp kết hợp với trực tuyến của Trường ĐH KHTN.

#### **Điều 17. Trình tự thủ tục phê duyệt CTLKNN**

1. Phòng Đào tạo (hệ cử nhân), Phòng Đào tạo Sau đại học (hệ thạc sĩ, tiến sĩ) gửi hồ sơ CTLKNN theo quy định tại Điều 15 Quy định này đến Phòng Quan hệ Đối ngoại

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định, Hiệu trưởng sẽ thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ CTLKNN.

3. Sau khi được Hội đồng thẩm định thông qua, đơn vị tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ CTLKNN theo góp ý của Hội đồng thẩm định và trình Hiệu trưởng 01 bộ hồ sơ gốc. Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định phê duyệt CTLKNN của đơn vị (theo Mẫu số 03 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

4. Trường hợp hồ sơ không được Hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng thông báo bằng văn bản cho đơn vị.

#### **Điều 18. Thời hạn liên kết**

Thời hạn hoạt động của CTLKNN không quá 05 năm, kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm và không quá thời hạn thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết.

#### **Điều 19. Hội đồng thẩm định**

1. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ CTLKNN. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm có:

a) Chủ tịch: Đại diện Ban giám hiệu Trường ĐH KHTN.

b) Phó Chủ tịch: Lãnh đạo Phòng Quan hệ Đối ngoại.

c) Ủy viên: Lãnh đạo các Phòng chức năng có liên quan: Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau Đại học, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Thanh tra - Pháp chế và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (kdcl).

d) Ủy viên phản biện (đối với trường hợp cấp phép CTLKNN): đại diện các chuyên gia thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, có chuyên môn sâu về ngành đào tạo, đại diện các đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành đào tạo (lấy ý kiến ít nhất của 02 chuyên gia có thâm niên công tác trong lĩnh vực có liên quan đến CTLKNN đang được thẩm định có trình độ từ tiến sĩ trở lên, có kinh nghiệm quản lý tại các doanh nghiệp/ khoa/bộ môn, có tham



gia giảng dạy hoặc quản lý các CTLKNN, và không có tên trong danh sách giảng viên dự kiến giảng dạy CTLKNN đang được thẩm định).

đ) Thư ký: chuyên viên Phòng Quan hệ Đối ngoại.

2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định hồ sơ CTLKNN và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các kết quả thẩm định; tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc quyết định phê duyệt, mở mới, gia hạn, điều chỉnh và chấm dứt CTLKNN.

#### **Điều 20. Hồ sơ gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết đào tạo**

1. Việc gia hạn liên kết đào tạo phải thực hiện trong thời hạn 06 tháng trước khi hết hạn liên kết đào tạo. Việc điều chỉnh liên kết đào tạo thực hiện khi có đề xuất của đơn vị phụ trách CTLKNN.

2. Điều kiện gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết đào tạo

a) Đơn vị phụ trách CTLKNN thực hiện đúng các nội dung quy định trong quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn CTLKNN.

b) Không có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

c) Chương trình liên kết đào tạo tiếp tục đáp ứng các điều kiện về kiểm định chất lượng giáo dục.

d) Đơn vị phụ trách CTLKNN tiến hành điều chỉnh liên kết đào tạo nếu có thay đổi nội dung trong hồ sơ đề án, quyết định cấp phép/gia hạn các CTLKNN do Hiệu trưởng quyết định phê duyệt.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt) do các bên liên kết cùng ký (theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này).

b) Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép kèm hồ sơ minh chứng (theo Mẫu số 05 tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này).

c) Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết đang còn hiệu lực (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt).

d) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc của CSNN hoặc giấy tờ công nhận chất lượng chương trình đào tạo của cơ quan có thẩm quyền còn thời hạn.

đ) Văn bản kiến nghị các nội dung điều chỉnh trong Quyết định phê duyệt cấp phép hoặc quyết định gia hạn và giải trình (nếu có).

4. Thẩm quyền, thủ tục phê duyệt gia hạn hoặc điều chỉnh CTLKNN



a) Đơn vị phụ trách CTLKNN gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Hiệu trưởng.

b) Nếu hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Hiệu trưởng sẽ tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định (theo quy định tại Điều 19, không bao gồm ủy viên phản biện) và tổ chức thẩm định hồ sơ gia hạn CTLKNN.

c) Sau khi được Hội đồng thẩm định thông qua, đơn vị tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo góp ý của Hội đồng thẩm định và trình Ban giám hiệu 01 bộ hồ sơ gốc. Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định gia hạn CTLKNN của đơn vị phụ trách CTLKNN.

d) Trường hợp hồ sơ gia hạn không được Hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng thông báo bằng văn bản cho đơn vị sau 05 ngày làm việc.

đ) Hiệu trưởng có văn bản phê duyệt việc điều chỉnh CTLKNN sau khi có ý kiến tham mưu của các đơn vị chuyên môn có liên quan.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC TUYỂN SINH**

##### **Điều 21. Thông báo tuyển sinh**

Trường ĐH KHTN thông báo tuyển sinh trước khi tổ chức tuyển sinh 02 tháng. Nội dung thông báo đảm bảo đầy đủ các thông tin và đúng theo CTLKNN đã được Hiệu trưởng quyết định phê duyệt/gia hạn/điều chỉnh: hình thức liên kết, ngành/chương trình đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, điều kiện ngoại ngữ và bồi dưỡng ngoại ngữ nếu có, kiểm định chương trình, lệ phí tuyển sinh, mức học phí, thời gian, địa điểm nhận hồ sơ, văn bằng, cơ sở liên kết đào tạo.

##### **Điều 22. Hội đồng tuyển sinh**

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh CTLKNN hoặc thành lập Hội đồng tuyển sinh chung với tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh thạc sĩ, tuyển sinh tiến sĩ (sau đây gọi chung là Hội đồng tuyển sinh) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh. Thành phần Hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh hệ chính quy hiện hành, trong đó có thể có sự tham gia của đại diện CSNN.

##### **2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh**

a) Xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai công tác tuyển sinh theo hồ sơ CTLKNN đã được và Trường ĐH KHTN quyết định phê duyệt.

b) Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hệ chính quy hiện hành và các quy định có liên quan của Trường ĐH KHTN.

##### **Điều 23. Xét trúng tuyển và công bố kết quả tuyển sinh và nhập học**



1. Trường ĐH KHTN căn cứ các tiêu chí tuyển sinh đã công bố cho thí sinh và dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh CTLKNN để xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

2. Trường ĐH KHTN ra quyết định trúng tuyển cho từng ngành học, từng CTLKNN (nêu rõ đối tượng trúng tuyển và ngoại ngữ đầu vào của thí sinh), công bố công khai kết quả trúng tuyển và thông báo cho thí sinh làm thủ tục nhập học.

3. Trường ĐH KHTN ban hành quyết định nhập học theo từng ngành học, từng CTLKNN dựa trên danh sách thí sinh đã đăng ký nhập học.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 24. Học viên CTLKNN**

1. Học viên chính thức là các thí sinh đã trúng tuyển vào CTLKNN, đáp ứng điều kiện tuyển sinh và điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy định này, đã hoàn tất các thủ tục nhập học và được học chương trình chính khóa.

2. Đối với các học viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ đầu vào, học viên cần phải bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hoặc tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ do Trường ĐH KHTN tổ chức (nếu có) và đạt điều kiện ngoại ngữ theo đúng quy định thì mới được tham gia học chương trình chính khóa.

#### **Điều 25. Tổ chức đào tạo**

Đối với CTLKNN học tại Việt Nam hoặc một phần chương trình đào tạo tại Việt Nam, công tác đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHQG-HCM và các quy định học vụ của Trường ĐH KHTN.

#### **Điều 26. Chuyển giai đoạn (chuyển tiếp)**

Quy định này áp dụng đối với chương trình liên kết đào tạo một phần học tại Trường ĐH KHTN và một phần học tại CSNN.

1. Trường ĐH KHTN xét duyệt kết quả học tập giai đoạn học tại Trường ĐH KHTN và điều kiện ngoại ngữ để xét chuyển tiếp cho học viên học tiếp tại CSNN. Trường ĐH KHTN hướng dẫn học viên hoàn thành các thủ tục để có thể chuyển tiếp.

2. Đối với học viên đủ điều kiện chuyển tiếp, Trường ĐH KHTN ban hành quyết định kèm danh sách học viên chuyển tiếp (ghi rõ kết quả học tập, chương trình đào tạo, đối tác sau khi chuyển tiếp) và thực hiện quản lý học viên đã chuyển tiếp (học viên học tại CSNN) phù hợp với quy định của pháp luật về bảo mật thông tin cá nhân của học viên.

#### **Điều 27. Điều kiện tốt nghiệp và cấp văn bằng**



1. Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình đào tạo, trình độ đào tạo, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM nếu cấp văn bằng của Trường ĐH KHTN hoặc theo quy định của pháp luật nước ngoài nếu cấp văn bằng của CSNN.

2. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp để cấp văn bằng của Trường ĐH KHTN theo Quy chế đào tạo đại học, Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHQG-HCM và Trường ĐH KHTN hiện hành.

3. Văn bằng của người học theo CTLKNN được quy định như sau:

a) Văn bằng do Trường ĐH KHTN cấp phải tuân thủ quy chế văn bằng, chứng chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM và Trường ĐH KHTN về quản lý và cấp phát văn bằng.

b) Văn bằng do CSNN cấp phải được cơ quan quản lý có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

c) Trường ĐH KHTN bổ sung mẫu văn bằng vào hồ sơ quản lý CTLKNN tại Trường ĐH KHTN.

d) Đối với các CTLKNN học hoàn toàn tại Việt Nam do CSNN cấp bằng, Trường ĐH KHTN phải lập sổ gốc văn bằng và lưu hồ sơ tốt nghiệp của học viên.

## **Chương V**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LƯU TRỮ**

#### **Điều 28. Chế độ báo cáo**

1. Đơn vị phụ trách CTLKNN phối hợp với Phòng Quan hệ Đối ngoại báo cáo việc thực hiện CTLKNN cho Hiệu trưởng trước ngày 30 tháng 9 hằng năm (theo mẫu số 07 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

2. Trường ĐH KHTN có trách nhiệm cập nhật thông tin về các CTLKNN và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trên.

#### **Điều 29. Lưu trữ**

Lưu trữ vĩnh viễn hồ sơ liên kết đào tạo, thông tin người học tại Trường ĐH KHTN và CSNN.

## **Chương VI**

### **KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 30. Kiểm tra**

Hiệu trưởng quyết định kiểm tra việc xây dựng, tổ chức và quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định thanh tra, kiểm tra nội bộ và theo quy định của pháp luật.



### **Điều 31. Đình chỉ tuyển sinh hoặc chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo**

1. Liên kết đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh nếu không bảo đảm một trong các nội dung đã nêu tại quy định này.

2. Trách nhiệm của đơn vị phụ trách CTLKNN khi liên kết đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh

a) Khắc phục các vi phạm dẫn đến đình chỉ tuyển sinh.

b) Bảo đảm người học đang theo học liên kết đào tạo được tiếp tục học tập.

3. Liên kết đào tạo chấm dứt trong những trường hợp sau đây

a) Hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc quyết định điều chỉnh liên kết đào tạo.

b) Theo đề nghị của các bên liên kết.

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh nhưng không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ tuyển sinh.

d) Vi phạm quy định của quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc quyết định điều chỉnh liên kết đào tạo ở mức độ pháp luật quy định phải chấm dứt.

đ) Đã bị đình chỉ và không khắc phục được vi phạm để bảo đảm các nội dung tại quy định này.

4. Trách nhiệm của Trường ĐH KHTN khi liên kết đào tạo bị chấm dứt hoạt động

a) Liên hệ để chuyển số học viên đã được tuyển sinh theo quy định sang cơ sở giáo dục khác.

b) Bồi hoàn cho người học các khoản chi phí người học đã nộp đối với trường hợp cung cấp chương trình đào tạo và cấp văn bằng không được Bộ GD&ĐT công nhận hoặc liên kết đào tạo bị đình chỉ hoặc bị chấm dứt hoạt động mà người học không được hoặc không muốn chuyển sang học ở cơ sở giáo dục khác.

c) Thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể.

d) Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

5. Thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục chấm dứt liên kết

a) Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN có thẩm quyền chấm dứt liên kết đào tạo được quy định tại Điều 17 Quy định này.

b) Đơn đề nghị chấm dứt liên kết (theo Mẫu số 06 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này), trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kèm theo phương án chấm dứt liên kết, các biện



pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, người lao động; phương án giải quyết tài chính, tài sản.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hiệu trưởng sẽ thẩm định hồ sơ, quyết định chấm dứt liên kết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; nếu liên kết đào tạo chưa được chấm dứt thì Ban giám hiệu có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

đ) Sau khi Hiệu trưởng có quyết định cho phép chấm dứt CTLKNN, Trường ĐH KHTN thông báo về việc ngừng CTLKNN trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

## **Chương VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 32. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan**

##### **1. Phòng Quan hệ Đối ngoại**

a) Là đơn vị đầu mối giúp Hiệu trưởng thực hiện việc quản lý hoạt động đào tạo đối với CTLKNN.

b) Chủ trì, thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo tại Điều 28 và Điều 29 của quy định này.

c) Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép/gia hạn/điều chỉnh; dự trù kinh phí tổ chức thẩm định các CTLKNN và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

d) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Phòng Quan hệ Đối ngoại tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Hiệu trưởng.

đ) Có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Phòng chức năng, Trung tâm có liên quan quản lý các CTLKNN theo chức năng, nhiệm vụ đã được Hiệu trưởng giao.

e) Chủ trì phối hợp với các Phòng chức năng, Trung tâm có liên quan thẩm tra và lập tờ trình trình Hiệu trưởng ra quyết định đình chỉ hoặc chấm dứt việc tổ chức thực hiện CTLKNN và xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật nếu phát hiện việc tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định của văn bản này, hoặc văn bản thông báo vi phạm từ các cơ sở quản lý các lĩnh vực liên quan đến nội dung trên.

g) Thực hiện lưu trữ các tài liệu hồ sơ liên quan đến quá trình cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, quản lý và kiểm tra các CTLKNN.

##### **2. Phòng Đào tạo và Phòng Đào tạo Sau đại học**

Phòng Đào tạo và Phòng Đào tạo Sau đại học trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức và quản lý CTLKNN trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo quy định tại văn bản này và quy định pháp luật có liên quan:



a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Phòng Đào tạo và Phòng Đào tạo Sau đại học tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Hiệu trưởng.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực quản lý khi nhận được hồ sơ CTLKNN và đề nghị từ Phòng Quan hệ Đối ngoại.

c) Phối hợp với Phòng Quan hệ Đối ngoại trong công tác kiểm tra, giám sát, quản lý CTLKNN đã được Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN cấp phép/gia hạn; chịu trách nhiệm quản lý đào tạo đối với giai đoạn đào tạo tại Việt Nam theo quy định hiện hành.

d) Phối hợp Đơn vị phụ trách CTLKNN và các đơn vị khác trong công tác xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo CTLKNN.

đ) Nếu phát hiện việc tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định tại Quy định này, thông báo đến Phòng Quan hệ Đối ngoại và cùng phối hợp với Phòng Quan hệ Đối ngoại trong việc tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

e) Là đơn vị đầu mối chủ trì công tác tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển; trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận học viên chính thức.

g) Chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật và lưu trữ hồ sơ học vụ của người học (bao gồm điểm số, kết quả học tập, các quyết định khen thưởng, kỷ luật) trong suốt quá trình học tập tại Trường theo các quy định hiện hành về quản lý hồ sơ sinh viên.

### 3. Phòng Kế hoạch – Tài chính

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Phòng Kế hoạch – Tài chính tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Hiệu trưởng.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực quản lý khi nhận được hồ sơ CTLKNN và đề nghị từ Phòng Quan hệ Đối ngoại.

c) Phối hợp với Phòng Quan hệ Đối ngoại quản lý CTLKNN đã được Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN quyết định phê duyệt/gia hạn đối với nội dung thuộc trách nhiệm quản lý (tài chính, cơ sở vật chất, quy mô tuyển sinh) theo quy định hiện hành.

d) Nếu phát hiện việc tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định tại Quy định này, Phòng Kế hoạch – Tài chính thông báo đến Phòng Quan hệ Đối ngoại và cùng với Phòng Quan hệ Đối ngoại trong việc tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

### 4. Phòng Tổ chức – Hành chính

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Phòng Tổ chức – Hành chính tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Hiệu trưởng.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực quản lý khi nhận được hồ sơ liên quan đến các CTLKNN và đề nghị từ Phòng Quan hệ Đối ngoại.



c) Phối hợp với Phòng Quan hệ Đối ngoại quản lý CTLKNN đã được Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN quyết định phê duyệt/gia hạn đối với nội dung thuộc trách nhiệm quản lý (đội ngũ giảng viên, nhân sự ban quản lý, ban điều hành, các nhân sự CTLKNN phía Việt Nam) theo quy định hiện hành.

d) Nếu phát hiện việc tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định tại Quy định này, Phòng Tổ chức – Hành chính thông báo đến Phòng Quan hệ Đối ngoại và cùng phối hợp trong việc báo cáo, kiến nghị với Ban giám hiệu chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

#### 5. Phòng Thanh tra - Pháp chế

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Phòng Thanh tra - Pháp chế tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Hiệu trưởng.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực quản lý khi nhận được hồ sơ liên quan đến các CTLKNN và đề nghị từ Phòng Quan hệ Đối ngoại.

c) Phối hợp với các đơn vị chuyên môn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài trong phạm vi quyền hạn theo quy định của pháp luật, quy định của ĐHQG-HCM và quy định của Trường ĐH KHTN.

d) Thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan CTLKNN, trong thẩm quyền quản lý của Trường ĐH KHTN theo quy định của pháp luật.

đ) Nếu phát hiện việc tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định tại Quy định này, Phòng Thanh tra - Pháp chế thông báo đến Phòng Quan hệ Đối ngoại và cùng phối hợp trong việc tổng hợp, báo cáo, kiến nghị với Hiệu trưởng chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

e) Kiến nghị với Hiệu trưởng các biện pháp xử lý sai phạm trong quá trình thực hiện CTLKNN.

g) Thực hiện các công việc khác có liên quan đến CTLKNN theo sự chỉ đạo của Ban giám hiệu.

#### 6. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Hiệu trưởng.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực chuyên môn khi nhận được hồ sơ liên quan đến các CTLKNN và đề nghị từ Phòng Quan hệ Đối ngoại.

c) Có trách nhiệm thẩm định tính hợp pháp của Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc của cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền khi có đề nghị từ Phòng Quan hệ Đối ngoại.



d) Phối hợp với Phòng Quan hệ Đối ngoại quản lý CTLKNN đã được Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN quyết định phê duyệt/gia hạn đối với nội dung thuộc chuyên môn của đơn vị (biện pháp bảo đảm chất lượng, quản lý rủi ro của CTLKNN) theo quy định hiện hành.

đ) Nếu phát hiện việc tổ chức tuyển sinh, quản lý đào tạo các CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định của quy định này, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thông báo bằng văn bản đến Phòng Quan hệ Đối ngoại và cùng phối hợp tổng hợp, báo cáo Ban giám hiệu chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

#### 7) Đơn vị phụ trách CTLKNN

a) Chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp người học trong suốt quá trình đào tạo tại Trường.

b) Phân công và công bố rõ thông tin nhân sự đầu mối để người học liên hệ, bao gồm:

- Cố vấn học tập: Phụ trách tư vấn chương trình đào tạo, quy chế, lộ trình học tập.
- Cán bộ phụ trách công tác người học: Phụ trách các thủ tục hành chính, hỗ trợ các vấn đề ngoài học thuật.

c) Là đầu mối tiếp nhận và xử lý các yêu cầu, kiến nghị của người học liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện.

d) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo, đề cương môn học để đảm bảo tính hiện đại và phù hợp với thực tiễn.

đ) Xây dựng kế hoạch giảng dạy, đề xuất danh sách giảng viên trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, và tổ chức các hoạt động học thuật của chương trình.

e) Phối hợp chặt chẽ với Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Quan hệ Đối ngoại và các đơn vị liên quan để thực hiện công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo và các thủ tục cần thiết cho người học và giảng viên nước ngoài.

### **Điều 33. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày Hiệu trưởng ký Quyết định ban hành.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng từng phần hay toàn bộ theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hoặc theo sự sửa đổi, bổ sung của quy định hiện hành của nhà nước. Việc sửa đổi Quy định này do Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN xem xét và quyết định./.



### Phụ lục

(Đính kèm theo Quyết định số /QĐ-KHTN ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

| Tên mẫu | Nội dung                                                                                                                                                                 |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mẫu 01  | Đơn đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài                                                                                                                    |
| Mẫu 02  | Đề án thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài                                                                                                                          |
| Mẫu 03  | Quyết định phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài                                                                                                                     |
| Mẫu 04  | Đơn đề nghị gia hạn (hoặc điều chỉnh) liên kết với nước ngoài                                                                                                            |
| Mẫu 05  | Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ ngành ... của trường ... và ... từ ... đến ... (dành cho hồ sơ gia hạn CTLKNN) |
| Mẫu 06  | Đơn đề nghị chấm dứt liên kết đào tạo với nước ngoài                                                                                                                     |
| Mẫu 07  | Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ hằng năm                                                      |



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài .....(1).....**

Kính gửi:.....(2).....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

**Bên Việt Nam:** ..... (3) .....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

- Quyết định thành lập: ..... (4) .....

**Bên nước ngoài:** ..... (5) .....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

- Giấy phép thành lập: ..... (6) .....

Đề nghị.....(2)..... xem xét, phê duyệt liên kết đào tạo  
 .....(1)..... giữa .....(3) ..... và .....(5)..... với các  
 mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

**1. Mục tiêu và phạm vi của liên kết:** (Ghi tóm tắt lĩnh vực dự định liên kết, trình độ đào tạo, quy mô tuyển sinh hàng năm và văn bằng sẽ cấp theo liên kết).

**2. Thời hạn hoạt động của liên kết:**

**3. Nội dung liên kết (ghi tóm tắt):**

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.



**BÊN VIỆT NAM**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÊN NƯỚC NGOÀI**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Họ và tên**

**Họ và tên**

***Ghi chú:***

- (1) Ngành và trình độ đào tạo đề nghị liên kết;
- (2) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên kết đào tạo;
- (3) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam;
- (4) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục Việt Nam, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản
- (5) Tên cơ sở giáo dục nước ngoài;
- (6) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục nước ngoài, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20*

**ĐỀ ÁN**

**Thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài  
trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ giữa ... .. và .....**

(Mẫu gồm các nội dung chính, dùng để các bên liên kết tham khảo)

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Mô tả sự cần thiết thực hiện liên kết đào tạo.

**II. GIỚI THIỆU CÁC BÊN LIÊN KẾT**

1. Giới thiệu các bên liên kết.
2. Quá trình hợp tác giữa các bên.
3. Việc kiểm định của các bên liên kết.

**III. NỘI DUNG LIÊN KẾT**

1. Mục tiêu: Giới thiệu tóm tắt chuẩn đầu ra của liên kết.
2. Đối tượng tuyển sinh, quy mô tuyển sinh.
3. Thời gian và chương trình đào tạo: Nêu rõ thời gian, hình thức, phương thức thực hiện chương trình đào tạo:
4. Tổ chức thực hiện liên kết đào tạo: Giảng dạy, thi, kiểm tra, tín chỉ, tốt nghiệp, phối hợp giảng dạy giữa giảng viên Việt Nam, giảng viên nước ngoài...
5. Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ (nếu có) dự kiến sẽ cấp, tính tương đương của văn bằng nước ngoài với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam và khả năng học tiếp lên các trình độ cao hơn đối với người được cấp văn bằng tốt nghiệp của liên kết đào tạo.
6. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện.
7. Cơ sở vật chất, thiết bị sẽ sử dụng cho liên kết đào tạo, địa điểm thực hiện liên kết.
8. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy liên kết đào tạo (danh sách trích ngang, lý lịch khoa học và các minh chứng về trình độ chuyên môn, năng lực sử dụng ngoại ngữ đính kèm thành phụ lục).
9. Giáo trình, tài liệu tham khảo, thư viện và các điều kiện khác...
10. Nội dung về quyền lợi của người học và người lao động (quy định rõ về phương án xử lý rủi ro khi thực hiện CTLKNN, đặc biệt là khi chương trình bị gián đoạn hoặc kết thúc trước thời hạn trong đề án thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài và thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết.).
11. Nội dung về tài chính (Cần lập dự toán chi tiết về mọi khoản thu chi, từ học phí, học bổng đến các nghĩa vụ thuế, và quản lý nguồn thu theo đúng quy định).

**IV. TÀI CHÍNH**



## Dự toán thu chi CTLKNN

| STT       | NỘI DUNG                                                                                          | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ TIỀN | TỶ TRỌNG CHO PHÉP | GHI CHÚ                                                 |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|-------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>TỔNG THU</b>                                                                                   |             |         |                   |                                                         |
| 1         | Tổng số tiền thu Tổng số tiền thu (số SV x đơn giá)                                               |             |         |                   | Nếu tính bằng tiền ngoại tệ thì phải có tỷ giá tạm tính |
| 2         | Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên                                                                   |             |         | 3%                |                                                         |
| 3         | Số tiền thực thu [1-2]                                                                            |             |         |                   |                                                         |
| <b>II</b> | <b>TỔNG CHI</b>                                                                                   |             |         |                   |                                                         |
| 1         | Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu   |             |         | 3%                | Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài     |
| 2         | Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh                                                         |             |         | 10%               |                                                         |
| 3         | Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong 01 năm |             |         | 33%               |                                                         |
| 4         | Chi phí coi thi, chấm thi                                                                         |             |         | 2%                |                                                         |
| 5         | Tiền học bổng khuyến khích học tập                                                                |             |         | 3%                |                                                         |
| 6         | Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN                                |             |         | 8%                |                                                         |
| 7         | Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo                               |             |         |                   | Nếu có                                                  |



|     |                                          |  |  |  |                                                                      |
|-----|------------------------------------------|--|--|--|----------------------------------------------------------------------|
| 8   | Thuế thu nhập doanh nghiệp               |  |  |  | Theo quy định của Pháp luật                                          |
| 9   | Thuế nhà thầu                            |  |  |  |                                                                      |
| 10  | Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành |  |  |  |                                                                      |
| III | <b>CHÊNH LỆCH THU – CHI</b>              |  |  |  |                                                                      |
| IV  | <b>TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH</b>   |  |  |  | Theo quy định tại nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/TT-BTC |

1. Học phí: Mức thu học phí bằng Việt Nam đồng (toàn khóa học, chi tiết theo từng năm học).

2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác.

3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có).

4. Dự kiến tình hình tài chính của chương trình liên kết đào tạo từ năm ..... đến năm ....

#### **V. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, QUẢN LÝ RỦI RO**

1. Biện pháp bảo đảm chất lượng.

2. Biện pháp quản lý rủi ro, bảo đảm quyền và lợi ích của người học trong trường hợp liên kết đào tạo chấm dứt trước thời hạn.

#### **VI. CƠ CHẾ QUẢN LÝ LIÊN KẾT**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý liên kết đào tạo, người đại diện các bên liên kết tham gia quản lý (kèm theo lý lịch khoa học kèm trong Phụ lục).

2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học và các bên liên quan khác.

*Phụ lục kèm theo (Lý lịch khoa học, đề cương chi tiết các môn học, các văn bản kèm theo, ....)*

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH  
CTLKNN**



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài**  
.....(1).....  
.....(2) .....

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 38/2020/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1758/QĐ-ĐHQG ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành Quy định liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của .....(4)..... và .....(6)..... tại hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo .....(1)..... ngày ... tháng ... năm .....

Xét đề nghị của .....(3).....



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt liên kết đào tạo ..... (1) ..... giữa các Bên:

**Bên Việt Nam:** ..... (4) .....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

- Quyết định thành lập: ..... (5) .....

**Bên nước ngoài:** ..... (6) .....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

- Giấy phép thành lập: ..... (7) .....

**Điều 2.** Các Bên liên kết có trách nhiệm tuân thủ luật pháp Việt Nam, những cam kết, kế hoạch được trình bày trong Hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo với những nội dung chính sau:

1. Đối tượng tuyển sinh: ..... (8) .....

2. Thời gian và chương trình đào tạo: ..... (9) .....

3. Ngôn ngữ giảng dạy: ..... (10) .....

4. Đội ngũ giảng viên: ..... (11) .....

5. Quy mô đào tạo: ..... (12) .....

6. Địa điểm đào tạo: ..... (13) .....

7. Văn bằng được cấp: ..... (14) .....

8. Kinh phí đào tạo và quản lý tài chính: ..... (15) .....

**Điều 3.** Sau mỗi năm học ..... (16) ..... chịu trách nhiệm báo cáo ..... (17) ..... về các hoạt động liên quan đến việc tổ chức thực hiện và quản lý liên kết đào tạo và định kỳ 6 tháng một lần cập nhật cơ sở dữ liệu về liên kết đào tạo với nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

..... (18) ..... chịu trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với các đơn vị có liên quan thanh tra công tác tổ chức thực hiện và quản lý liên kết của các bên liên kết theo Quyết định này và Hồ sơ liên kết đã phê duyệt.

**Điều 4.** Thời hạn hoạt động của liên kết đào tạo là .....

**Điều 5.** Hiệu lực của quyết định; cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;

..... (2) .....

(Ký, đóng dấu)



- .....;  
 - Lưu: VT, QHĐN.

Họ và tên

**Ghi chú:**

- (1) Tên liên kết đào tạo, ngành và trình độ đào tạo;
- (2) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên kết đào tạo;
- (3) Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo Quyết định phê duyệt liên kết đào tạo;
- (4) Tên của bên liên kết Việt Nam;
- (5) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của bên liên kết Việt Nam, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (6) Tên của bên liên kết nước ngoài;
- (7) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (8) Yêu cầu về đối tượng tuyển sinh, trình độ đầu vào, năng lực sử dụng ngoại ngữ và các yêu cầu khác;
- (9) Thời gian học (năm học hoặc học kỳ), hình thức, phương thức liên kết đào tạo, thời lượng chương trình đào tạo;
- (10) Ngoại ngữ sử dụng trong quá trình giảng dạy;
- (11) Quy định về giảng viên tham gia đào tạo (trình độ chuyên môn và năng lực sử dụng ngoại ngữ)
- (12) Số lượng tuyển sinh mỗi khóa, số khóa tuyển sinh/năm;
- (13) Địa chỉ thực hiện liên kết đào tạo;
- (14) Tên bằng tốt nghiệp và tên cơ sở giáo dục cấp bằng tốt nghiệp;
- (15) Mức thu học phí (toàn khóa học hoặc theo năm học), nguồn kinh phí tài trợ (nếu có);
- (16) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam và tên cơ sở giáo dục nước ngoài;
- (17) Tên đơn vị nhận báo cáo;
- (18) Tên đơn vị được giao nhiệm vụ.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20***ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Gia hạn (hoặc điều chỉnh) liên kết đào tạo với nước ngoài****..... (1) .....**

Kính gửi: ..... (2) .....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

**Bên Việt Nam:** ..... (3) .....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

**Bên nước ngoài:** ..... (4) .....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

Đã được cho phép thực hiện liên kết: ..... (1) ..... theo Quyết định số ..... (5) .....

Đề nghị ..... (2) ..... phê duyệt gia hạn liên kết nêu trên trong thời hạn .....

**Nội dung và lý do đề nghị:****Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung trong Đơn đề nghị gia hạn và Hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**BÊN VIỆT NAM***(Ký tên, đóng dấu)***BÊN NƯỚC NGOÀI***(Ký tên, đóng dấu)***Họ và tên****Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ ngành và trình độ đào tạo đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết (nếu có);
- (2) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên kết;
- (3) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam;
- (4) Tên cơ sở, tổ chức nước ngoài;
- (5) Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt liên kết, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN  
[Tên đơn vị]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

V/v báo cáo tổng kết thực hiện  
chương trình liên kết đào tạo với nước  
ngoài ngành ...của Trường ... và ...

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

## I. Tổng quan về chương trình liên kết

**1. Cơ sở pháp lý** (Nêu các Quyết định cấp phép/gia hạn của ĐHQG-HCM từ khi bắt đầu đào tạo)

### 2. Ngành, trình độ, hình thức liên kết đào tạo và cấp văn bằng

- Tên ngành/chương trình đào tạo:
- Trình độ đào tạo:
- Hình thức liên kết (học tại Việt Nam hoặc một phần học tại Việt Nam và một phần học tại nước ngoài):
- Văn bằng (nêu tên văn bằng tiếng Anh, tiếng Việt):

**3. Địa điểm đào tạo** (nêu địa điểm đào tạo từng giai đoạn, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, fax, website, người đại diện của các bên liên kết):

## II. Tình hình thực hiện chương trình liên kết

### 1. Công tác tuyển sinh (Mô tả thông tin và kết quả tuyển sinh đã thực hiện)

- Đối tượng tuyển sinh;
- Phương thức tuyển sinh (ghi rõ phương thức tuyển sinh của từ năm học nếu có thay đổi);
- Điều kiện ngoại ngữ đầu vào;
- Kết quả tuyển sinh (Nêu số khóa đã tuyển sinh, tổng số sinh viên đã trúng tuyển, nhập học theo từng khóa).

Bảng 1: Thống kê số lượng sinh viên trúng tuyển, nhập học và tốt nghiệp

| Năm học | Chỉ tiêu | Điểm trúng tuyển/xét tuyển | Số lượng trúng tuyển | Số lượng nhập học | Số lượng chuyển từ chương trình khác vào | Số lượng đang học (quy mô) |
|---------|----------|----------------------------|----------------------|-------------------|------------------------------------------|----------------------------|
|         |          |                            |                      |                   |                                          |                            |
|         |          |                            |                      |                   |                                          |                            |

Ghi chú: Quy mô đào tạo tính đến thời điểm hiện tại của từng năm học



- Chương trình đào tạo (*nêu rõ chương trình của nước ngoài hay chương trình do hai bên cùng xây dựng*);
- Ngôn ngữ đào tạo (*nêu rõ ngôn ngữ giảng dạy cho từng giai đoạn*);
- Đơn vị phụ trách đào tạo;
- Phương pháp đánh giá môn học;
- Điều kiện chuyển tiếp;
- Điều kiện tốt nghiệp;
- Đánh giá hiệu quả trên tổng số sinh viên chuyển tiếp/tốt nghiệp.

Bảng 2: Thống kê số lượng sinh viên đang học, chuyển chương trình, thôi học, chuyển tiếp, tốt nghiệp theo từng khóa

[illegible]

### 3. Giảng viên

- Tiêu chí tuyển chọn giảng viên tham gia CTLKNN;
- Tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị đã tham gia giảng dạy;
- Tổng số giảng viên của cơ sở giáo dục nước ngoài, giảng viên thỉnh giảng đã tham gia giảng dạy.

Bảng 3: Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTLKNN

[illegible]

Bảng 4: Giảng viên của cơ sở giáo dục nước ngoài, giảng viên thỉnh giảng đã tham gia giảng dạy

[illegible]



#### 4. Cơ sở vật chất

- Số lượng, diện tích phòng học đã sử dụng cho CTLKNN (*số lượng phòng học sử dụng chung với chính quy, số lượng phòng học sử dụng riêng cho CTLKNN ....*);
- Thư viện, số đầu sách và nguồn học liệu,... từ cơ sở giáo dục nước ngoài;
- Phòng thí nghiệm, phòng thực hành...(nếu có).
- Thiết bị, công thông tin điện tử, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet. hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nội dung học tập, học liệu điện tử phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 30/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023; các phương tiện nghe nhìn bao gồm: máy tính, màn hình, máy chiếu, máy chiếu có độ lớn phù hợp với phòng học; đường truyền kết nối ổn định, thông suốt; học liệu trực tuyến có nội dung phù hợp với ngành học và có thể truy cập liên tục với tốc độ cao; phương tiện thu âm, ghi hình lưu trữ quá trình tổ chức đào tạo phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với CTLKNN đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ **theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.**

#### 5. Biện pháp giám sát, đảm bảo chất lượng đào tạo

- Các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo;
- Phương pháp quản lý, theo dõi quá trình học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo (tại TRƯỜNG ĐH KHTN và sau khi chuyển tiếp);
- Các biện pháp hỗ trợ sinh viên trong quá trình học;
- Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với CTLKNN trong quá trình đào tạo;
- Đánh giá của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với khả năng thích ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp CTLKNN;
- Kế hoạch khắc phục, cải tiến chất lượng chương trình.

**6. Tài chính** (*Mức học phí, các khoản được hỗ trợ, các khoản hỗ trợ sinh viên kèm Bản quyết toán thu chi hàng năm đối với CTLKNN*).

| STT       | NỘI DUNG                                            | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ TIỀN | GHI CHÚ                                                  |
|-----------|-----------------------------------------------------|-------------|---------|----------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>TỔNG THU</b>                                     |             |         |                                                          |
| 1         | Tổng số tiền thu Tổng số tiền thu (số SV x đơn giá) |             |         | Nếu tính bằng tiền ngoại tệ thì phải có tỷ giá ngân hàng |
| 2         | Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên                     |             |         |                                                          |
| 3         | Số tiền thực thu [1-2]                              |             |         |                                                          |
| <b>II</b> | <b>TỔNG CHI</b>                                     |             |         |                                                          |



|            |                                                                                                   |  |  |                                                     |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------|
| 1          | Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu   |  |  | Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài |
| 2          | Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh                                                         |  |  |                                                     |
| 3          | Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong 01 năm |  |  |                                                     |
| 4          | Chi phí coi thi, chấm thi                                                                         |  |  |                                                     |
| 5          | Tiền học bổng khuyến khích học tập                                                                |  |  |                                                     |
| 6          | Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN                                |  |  |                                                     |
| 7          | Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo                               |  |  | Nếu có                                              |
| 8          | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                        |  |  | Theo quy định của Pháp luật                         |
| 9          | Thuế nhà thầu                                                                                     |  |  | Theo quy định của Pháp luật                         |
| 10         | Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành                                                          |  |  |                                                     |
| <b>III</b> | <b>CHÊNH LỆCH THU – CHI</b>                                                                       |  |  |                                                     |
| <b>IV</b>  | <b>TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH</b>                                                            |  |  | Theo quy định tại nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông  |



|  |  |  |  |                   |
|--|--|--|--|-------------------|
|  |  |  |  | tư 56/2022/TT-BTC |
|--|--|--|--|-------------------|

1. Học phí: Mức thu học phí bằng Việt Nam đồng (toàn khóa học, chi tiết theo từng năm học)
2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác.
3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có).
4. Báo cáo tài chính của chương trình liên kết đào tạo giai đoạn trước: lập báo cáo thu – chi tài chính giai đoạn trước bao gồm đầy đủ các nội dung thu – chi cơ bản. Đối với thu học phí phải có số lượng học viên và mức thu của từng năm học, tối thiểu đối với các nội dung chi phải có lương, thù lao cho giảng viên và người lao động; đầu tư cơ sở vật chất thiết bị dạy học; học liệu, tài liệu học tập; chi cho kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, chi cho học bổng học viên, chi cho công tác nghiên cứu khóa học của học viên và giảng viên của trường, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và các khoản đóng góp, trích nộp theo quy định trên nguyên tắc đúng tỷ lệ % theo quy định của pháp luật và các văn bản liên quan.
5. Dự kiến tình hình tài chính của chương trình liên kết đào tạo từ năm ... đến năm...

| STT       | NỘI DUNG                                                                                          | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ TIỀN | TỶ TRỌNG CHO PHÉP | GHI CHÚ                                                 |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|-------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>TỔNG THU</b>                                                                                   |             |         |                   |                                                         |
| 1         | Tổng số tiền thu Tổng số tiền thu (số SV x đơn giá)                                               |             |         |                   | Nếu tính bằng tiền ngoại tệ thì phải có tỷ giá tạm tính |
| 2         | Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên                                                                   |             |         | 3%                |                                                         |
| 3         | Số tiền thực thu [1-2]                                                                            |             |         |                   |                                                         |
| <b>II</b> | <b>TỔNG CHI</b>                                                                                   |             |         |                   |                                                         |
| 1         | Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu   |             |         | 3%                | Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài     |
| 2         | Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh                                                         |             |         | 10%               |                                                         |
| 3         | Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong 01 năm |             |         | 33%               |                                                         |



|     |                                                                     |  |  |    |                                                                      |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--|--|----|----------------------------------------------------------------------|
| 4   | Chi phí coi thi, chấm thi                                           |  |  | 2% |                                                                      |
| 5   | Tiền học bổng khuyến khích học tập                                  |  |  | 3% |                                                                      |
| 6   | Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN  |  |  | 8% |                                                                      |
| 7   | Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo |  |  |    | Nếu có                                                               |
| 8   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                          |  |  |    | Theo quy định của Pháp luật                                          |
| 9   | Thuế nhà thầu                                                       |  |  |    | Theo quy định của Pháp luật                                          |
| 10  | Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành                            |  |  |    |                                                                      |
| III | <b>CHÊNH LỆCH THU – CHI</b>                                         |  |  |    |                                                                      |
| IV  | <b>TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH</b>                              |  |  |    | Theo quy định tại nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/TT-BTC |

### III. Đánh giá chung

1. Thuận lợi, khó khăn
2. Đánh giá về mức độ thành công của CTLKNN

### IV. Kiến nghị và đề xuất

### V. Các phụ lục kèm theo báo cáo

1. Các quyết định cho phép đào tạo CTLKNN của ĐHQG-HCM;
2. Hồ sơ minh chứng quá trình đào tạo
  - Chương trình đào tạo;
  - Thông báo tuyển sinh từng khóa;
  - Danh sách sinh viên xét tuyển;



- Quyết định trúng tuyển/nhập học (nêu rõ trình độ ngoại ngữ SV đầu vào, đối tượng tuyển sinh);
- Danh sách sinh viên học chính thức/sinh viên phải tham gia khóa học ngoại ngữ để đạt điều kiện đầu vào theo đúng quy định;
- Danh sách đội ngũ giảng viên, học vấn, trình độ ngoại ngữ và môn học tham gia giảng dạy từng khóa;
- Lịch trình giảng dạy/ thời khóa biểu từng khóa;
- Quyết định/thông báo danh sách sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn học tại TRƯỜNG ĐH KHTN, đủ điều kiện được học chuyển tiếp đối với từng khóa;
- Danh sách sinh viên thôi học hoặc không đủ điều kiện tiếp tục theo học từng khóa (nêu rõ lý do);
- Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp; Bản sao văn bằng được cấp;
- Sổ cấp văn bằng tốt nghiệp đối với các CTLKNN đào tạo hoàn toàn tại Việt Nam;
- Báo cáo thu chi quyết toán từng khóa đào tạo.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, QHĐN.

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH  
CTLKNN**

ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH  
CTLKNN



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Chấm dứt liên kết đào tạo với nước ngoài**

Kính gửi: .....(1).....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

**Bên Việt Nam:** ..... (2) .....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

**Bên nước ngoài:** ..... (3) .....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

đã được cho phép thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài theo Quyết định số: .....(4).....

Đề nghị .....(1)..... phê duyệt chấm dứt liên kết đào tạo với nước ngoài nêu trên kể từ ngày ...tháng... năm ...

**Lý do đề nghị:** .....

**Trách nhiệm các bên liên kết khi chấm dứt:** .....

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị chấm dứt và Hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**BÊN VIỆT NAM**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**BÊN NƯỚC NGOÀI**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Họ và tên**

**Họ và tên**



**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan đã cấp phép liên kết;
- (2) Tên cơ sở, tổ chức giáo dục Việt Nam;
- (3) Tên cơ sở, tổ chức nước ngoài;
- (4) Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt liên kết đào tạo, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

38



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN  
[Tên đơn vị]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

V/v báo cáo tổng kết thực hiện  
chương trình liên kết đào tạo với nước  
ngoài trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

**I. Tổng quan quá trình đào tạo chương trình liên kết**

**II. Tổng quan về các chương trình liên kết**

**1. Cơ sở pháp lý**

*Các quyết định cho phép theo ngành đào tạo*

*Việc thực hiện các quyết định phê duyệt/gia hạn/điều chỉnh tại TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN*

**2. Tổng quan ngành, trình độ đào tạo và văn bằng được cấp**

Thông kê theo các tiêu chí sau:

- Tên ngành
- Trình độ đào tạo
- Hình thức liên kết
- Văn bằng được cấp (bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài)
- Địa điểm đào tạo

**III. Tình hình triển khai chương trình liên kết**

**1. Công tác tuyển sinh**

- Đối tượng tuyển sinh
- Phương thức tuyển sinh
- Điều kiện ngoại ngữ đầu vào
- Kết quả tuyển sinh theo từng khóa (kèm đánh giá hiệu quả)

**2. Quản lý đào tạo**

- Chương trình đào tạo;
- Ngôn ngữ đào tạo;
- Đơn vị phụ trách đào tạo;
- Phương pháp đánh giá môn học;
- Điều kiện chuyển tiếp;
- Điều kiện tốt nghiệp;



- Thống kê số liệu:

Bảng 1: Kế hoạch tuyển sinh các CTLKNN trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ hàng năm

| Stt | Tên chương trình liên kết | Chỉ tiêu | Số đợt tuyển sinh trong năm ..... | Thời gian tuyển sinh | Phương thức tuyển sinh | Ghi chú |
|-----|---------------------------|----------|-----------------------------------|----------------------|------------------------|---------|
|     |                           |          |                                   |                      |                        |         |
|     |                           |          |                                   |                      |                        |         |
|     | Tổng                      |          |                                   |                      |                        |         |

Bảng 2: Quy mô đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ các CTLKNN

| Stt | Tên chương trình liên kết | Quy mô sinh viên | Quy mô sinh viên tại Việt Nam | Quy mô sinh viên đã chuyển tiếp | Ghi chú<br>(thời điểm thống kê báo cáo) |
|-----|---------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|
|     |                           |                  |                               |                                 |                                         |
|     |                           |                  |                               |                                 |                                         |
|     | Tổng                      |                  |                               |                                 |                                         |

**Ghi chú:** Quy mô đào tạo được tính dựa trên số lượng sinh viên đang học đến hết ngày 31/10 hàng năm

Bảng 3: Kết quả tuyển sinh các CTLKNN trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ.

| Stt | Tên chương trình liên kết | Đợt 1    |             |          |                     | Đợt 2    |             |          |                     | Đợt 3    |             |          |                     |
|-----|---------------------------|----------|-------------|----------|---------------------|----------|-------------|----------|---------------------|----------|-------------|----------|---------------------|
|     |                           | Chỉ tiêu | Trúng tuyển | Nhập học | % nhập học/chỉ tiêu | Chỉ tiêu | Trúng tuyển | Nhập học | % nhập học/chỉ tiêu | Chỉ tiêu | Trúng tuyển | Nhập học | % nhập học/chỉ tiêu |
|     |                           |          |             |          |                     |          |             |          |                     |          |             |          |                     |
|     |                           |          |             |          |                     |          |             |          |                     |          |             |          |                     |
|     | Tổng                      |          |             |          |                     |          |             |          |                     |          |             |          |                     |

Bảng 4: Thống kê số lượng sinh viên chuyển tiếp và tốt nghiệp.

| Stt | Tên chương trình liên kết | Số lượng sinh viên chuyển tiếp | Số lượng sinh viên tốt nghiệp | Ghi chú                      |
|-----|---------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
|     |                           |                                |                               | (thời điểm thống kê báo cáo) |
|     |                           |                                |                               |                              |
|     |                           |                                |                               |                              |

**Ghi chú:** số liệu thống kê đến hết ngày 31/10 hàng năm.



Bảng 5: Kết quả học tập của sinh viên.

| Stt | Tên chương trình liên kết | Số lượng sinh viên đang học | Kết quả học tập |                   | Ghi chú                      |
|-----|---------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------------|------------------------------|
|     |                           |                             |                 | Xếp loại (nếu có) | (thời điểm thống kê báo cáo) |
|     |                           |                             |                 |                   |                              |
|     |                           |                             |                 |                   |                              |

- Đánh giá hiệu quả trên tổng số sinh viên chuyển tiếp/tốt nghiệp.

### 3. Cơ cấu tổ chức

### 4. Công tác tổ chức giảng dạy và học tập

### 5. Số lượng văn bằng được cấp (thống kê theo ngành, khóa tuyển,...)

### 6. Giảng viên tham gia giảng dạy CTLKNN

- Tiêu chí giảng viên tham gia CTLKNN;
- Số lượng giảng viên tham gia chương trình.

### 7. Cơ sở vật chất phục vụ CTLKNN tại đơn vị

- Báo cáo chung về cơ sở vật chất phục vụ CTLKNN;
- Thư viện, nguồn học liệu từ trường đối tác,....;
- Phòng thí nghiệm, phòng thực hành...(nếu có).

### 8. Biện pháp giám sát, đảm bảo chất lượng đào tạo

- Các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo;
- Phương pháp quản lý, theo vết sinh viên trong quá trình đào tạo (trong nước và sau khi chuyển tiếp);
- Các biện pháp hỗ trợ sinh viên trong quá trình học;
- Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên;
- Kế hoạch khắc phục, cải tiến chất lượng chương trình.

### 9. Tài chính

- Học phí: Mức thu học phí
- Báo cáo tình hình tài chính của chương trình liên kết đào tạo năm ...

| STT | NỘI DUNG | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ TIỀN | GHI CHÚ |
|-----|----------|-------------|---------|---------|
| I   | TỔNG THU |             |         |         |



|           |                                                                                                   |  |  |                                                          |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------|
| 1         | Tổng số tiền thu Tổng số tiền thu (số SV x đơn giá)                                               |  |  | Nếu tính bằng tiền ngoại tệ thì phải có tỷ giá ngân hàng |
| 2         | Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên                                                                   |  |  |                                                          |
| 3         | Số tiền thực thu [1-2]                                                                            |  |  |                                                          |
| <b>II</b> | <b>TỔNG CHI</b>                                                                                   |  |  |                                                          |
| 1         | Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu   |  |  | Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài      |
| 2         | Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh                                                         |  |  |                                                          |
| 3         | Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong 01 năm |  |  |                                                          |
| 4         | Chi phí coi thi, chấm thi                                                                         |  |  |                                                          |
| 5         | Tiền học bổng khuyến khích học tập                                                                |  |  |                                                          |
| 6         | Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN                                |  |  |                                                          |
| 7         | Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo                               |  |  | Nếu có                                                   |
| 8         | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                        |  |  | Theo quy định của Pháp luật                              |
| 9         | Thuế nhà thầu                                                                                     |  |  | Theo quy định của Pháp luật                              |
| 10        | Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành                                                          |  |  |                                                          |



|     |                                    |  |  |                                                                               |
|-----|------------------------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------|
| III | CHÊNH LỆCH THU – CHI               |  |  |                                                                               |
| IV  | TRÍCH LẬP CÁC QUỸ<br>THEO QUY ĐỊNH |  |  | Theo quy định tại nghị<br>định 60/2021/NĐ-CP<br>và Thông tư<br>56/2022/TT-BTC |

#### IV. Đánh giá chung

1. Thuận lợi
2. Khó khăn
3. Kiến nghị
4. Đánh giá về mức độ thành công của CTLKNN

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QHĐN.

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH  
CTLKNN**



## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định về tổ chức và quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-ĐHQG ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học tự nhiên giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quan hệ Đối ngoại và Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Trưởng các phòng chức năng, các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QHĐN.

